SỞ GD&ĐT QUẢNG NINH
TRƯỜNG THPT CÔ TÔ

Biểu số 09

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục
của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông
Năm học 2023 – 2024

(Quyết định số 347/QĐ-THPTCT ngày 9/8/2023 của trường THPT Cô Tô về thực hiện công bố công khai (bổ sung) năm học 2022-2023)

STT	Nội dung	Chia theo khối/lớp		
		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Điều kiện tuyển sinh	- Thực hiện đúng theo Quy chế tuyển sinh của Bộ, Sở và của Tỉnh QN. - Tuyển sinh 100% học sinh hoàn thành chương trình học THCS trên địa bàn. - Hình thức: Xét tuyển; Chỉ tiêu giao: 89. Kết quả tuyển sinh: 79 ((QĐ số 780/QĐ-SGDĐT ngày 12/7/2023)	- Đủ điều kiện	- Đủ điều kiện
II	Chương trình Giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	CT GDPT 2018	CT GDPT 2018	CT GDPT 2006
III	Yêu cầu phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Thường xuyên giữ mối quan hệ phối hợp giữa nhà trường và gia đình; Nhà trường và Hội CMHS; Nhà trường và các tổ chức xã hội khác - Học sinh có thái độ học tập ngiêm	Thường xuyên giữ mối quan hệ phối hợp giữa nhà trường và gia đình; Nhà trường và Hội CMHS; Nhà trường và các tổ chức xã hội khác - Học sinh có thái độ học tập ngiêm	Thường xuyên giữ mối quan hệ phối hợp giữa nhà trường và gia đình; Nhà trường và Hội CMHS; Nhà trường và các tổ chức xã hội khác - Học sinh có thái độ học tập ngiêm

		túc, có tiêu học tập rõ ràng	túc, có tiêu học tập rõ ràng	túc, có tiêu học tập rõ ràng
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Huy động các nguồn lực đảm bảo CSVC, trang thiết bị dạy học - Xây dựng môi trường học tập lành mạnh; Tổ chức tốt các hoạt động phù hợp vưới tâm lí, lứa tuổi học sinh như: thể dục thể thao, văn hóa, văn nghệ; Tổ chức các cuộc thi; Thành lập các câu lạc bộ,…	- Huy động các nguồn lực đảm bảo CSVC, trang thiết bị dạy học - Xây dựng môi trường học tập lành mạnh; Tổ chức tốt các hoạt động hoạt động phù hợp vưới tâm lí, lứa tuổi học sinh như: thể dục thể thao, văn hóa, văn nghệ; Tổ chức các cuộc thi; Thành lập các câu lạc bộ,…	- Huy động các nguồn lực đảm bảo CSVC, trang thiết bị dạy học - Xây dựng môi trường học tập lành mạnh; Tổ chức tốt các hoạt động hoạt động phù hợp vưới tâm lí, lứa tuổi học sinh như: thể dục thể thao, văn hóa, văn nghệ; Tổ chức các cuộc thi; Thành lập các câu lạc bộ,…
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- 100% học sinh có kết quả năng lực, phẩm chất: Khá, tốt - 100% học sinh có kết quả học tập: Đạt trở lên - 100% học sinh được tư vấn và hướng dẫn chăm sóc sức khỏe.	- 100% học sinh có kết quả năng lực, phẩm chất: Khá, tốt - 100% học sinh có kết quả học tập: Đạt trở lên - 100% học sinh được tư vấn và hướng dẫn chăm sóc sức khỏe.	- 100% học sinh có kết quả năng lực, phẩm chất: Khá, tốt - 100% học sinh có kết quả học tập: Trung bình trở lên - 100% học sinh được tư vấn và hướng dẫn chăm sóc sức khỏe.
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	100% học sinh có khả năng tiếp tục học tập.	100% học sinh có khả năng tiếp tục học tập.	100% học sinh có khả năng tiếp tục học tập.

Cô Tô, ngày 09 tháng 8 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH QUẢNG NINH
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CÔ TÔ

Nguyễn Hải Phòng

SỞ GD&ĐT QUẢNG NINH
TRƯỜNG THPT CÔ TÔ

Biểu số 10

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông
Năm học 2023 – 2024

(Quyết định số 347/QĐ-THPTCT ngày 9/8/2023 của trường THPT Cô Tô về thực hiện công bố công khai (bổ sung) năm học 2022-2023)

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	**Số học sinh chia theo hạnh kiểm/Rèn luyện**	235	86	85	64
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	**158 = 67.23**	56 = 65.12	50 = 58.82	52 = 81.25
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	**62 = 26.38**	23 = 26.74	27 = 31.76	12 = 18.75
3	Trung bình/Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	**11 = 4.68**	5 = 5.81	6 = 7.06	0
4	Yếu/Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	**4 = 1.7**	2 = 2.33	2 = 2.35	0
II	**Số học sinh chia theo học lực**	**235**	**86**	**85**	**64**
1	Giỏi/Xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	**40 = 17.02**	8 = 9.3	12 = 14.12	20 = 31.25
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	**105 = 44.68**	33 = 38.37	44 = 51.76	28 = 43.75
3	Trung bình/Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	**87 = 37.02**	42 = 48.84	29 = 34.12	16 = 25
4	Yếu/Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	**3 = 1.27**	3 = 3.49	0	0
5	Kém/Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	**0**	0	0	0
III	**Tổng hợp kết quả cuối năm**	**235**	**86**	**85**	**64**
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	**233 = 99.14**	84 = 97.67	85 = 100	64 = 100
A	Học sinh giỏi/Xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	**40 = 17.02**	8 = 9.3	12 = 14.12	20 = 31.25
B	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	**72 = 30.63**	0	44 = 51.76	28 = 43.75

2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	**3 = 3.49**	3 = 3.49	0	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	**2 = 2.33**	2 = 2.33	0	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	**HS chuyển đi: 5 HS chuyển đến: 2**	chuyển đi 2 chuyểnđến1	chuyển đi2	chuyển đi 1 chuyểnđến1
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	**0**	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	**10**	3	5	2
IV	**Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi**	**3**	0	2	1
1	Cấp huyện	- Nhà trường được UBND huyện công nhận là 1/7 mô hình tiêu biểu trong học tập và làm theo tư tưởng. đạo đức, phong cách HCM của huyện Cô Tô			
2	Cấp tỉnh/thành phố	**3** 1 giải Ba môn Tin 1 giải KK môn Lịch sử 02 HCB môn Điền kinh	0	2	1
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	**0**	0	0	0
V	**Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp**	**64**	0	0	64
VI	**Số học sinh được công nhận tốt nghiệp**	**63/64 = 98.43**	0	0	63
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)				
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)				
3	Trung bình				

	(Tỷ lệ so với tổng số)				
VII	**Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng** (tỷ lệ so với tổng số)	**28/64 = 43.75**	0	0	28
VIII	**Số học sinh nam/số học sinh nữ**	**Nam 118** **Nữ 117**	Nam 46 Nữ 40	Nam 43 Nữ 42	Nam 29 Nữ 35
IX	**Số học sinh dân tộc thiểu số**	**6/235 = 2.55**	3/86	1/85	2/64

Cô Tô, ngày 09 tháng 8 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH QUẢNG NINH
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CÔ TÔ

Nguyễn Hải Phòng